

CHỦ ĐỀ : NGÀNH RUỘT KHOANG
(Bài 8,9,10 dạy 3 tiết)
Thời gian học: 1 tiết Tuần 4 và 2 tiết Tuần 5
Tài liệu học tập SGK trang 29→37
NỘI DUNG BÀI HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: THỦY TỨC (Tiết 1) - (tuần 4).

Tài liệu học tập SGK trang 29→32

I. THỦY TỨC

1. Cấu tạo ngoài và di chuyển.

Học sinh đọc thông tin SGK trang 29, kết hợp quan sát H 8.1, 8.2. Trả lời câu hỏi:

Câu 1: Điểm khác nhau cơ bản giữa ngành ruột khoang và ngành động vật nguyên sinh. (Gợi ý đọc thông tin giới thiệu ngành ruột khoang trả lời câu hỏi).

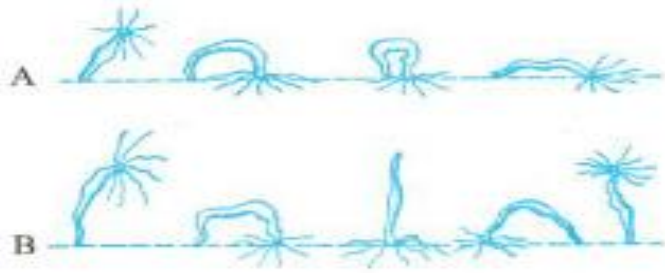
.....

.....

.....



Hình 8.1. Thủy tức bám trên lá rong. Tua miệng đang bắt mồi. Trên thân đang mọc chồi cho thủy tức con.



Hình 8.2. Hai cách di chuyển ở thủy tức
A - Di chuyển kiểu sâu đo.
B - Di chuyển kiểu lộn đầu.

Câu 2: Thủy tức sống ở đâu ?

.....

.....

Câu 3: Trình bày hình dạng, cấu tạo ngoài của thủy tức thích nghi với lối sống bám. (Điền vào chỗ trống để hoàn thiện câu trả lời).

Trả lời:

Thủy tức có cấu tạo thích nghi với lối sống bám:

Cơ thể hình

+ Phần dưới là

+ Phần trên

+ Đối xứng

Câu 4: Thủy tức di chuyển như thế nào? Mô tả bằng lời 2 cách di chuyển?

Trả lời:

.....

.....

.....

.....

.....

→**Kết bài:**

- Cấu tạo ngoài: hình trụ dài

+ Phần dưới là đế, có tác dụng bám.

+ Phần trên có lỗ miệng, xung quanh có tua miệng.

- + *Đôi xứng toả tròn.*
- *Di chuyển: kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu.*

2. Cấu tạo trong

Học sinh đọc thông tin SGK trang 30, kết hợp quan sát hình bảng cấu tạo và chức năng một số tế bào thành cơ thể. Trả lời câu hỏi:

Câu 1: Hãy gọi tên các tế bào tương ứng trong bảng cấu tạo và chức năng một số tế bào thành cơ thể.

Trả lời:

- Hình 1 là tế bào gai.
- Hình 2 là
- Hình 3, 4 là.....
- Hình 5 là.....
- Hình 6 là.....

Câu 2: Nêu cấu tạo trong của thủy tức. (Điền vào chỗ trống để hoàn thiện câu trả lời).

Trả lời:

- Thành cơ thể có 2 lớp tế bào.
- Gồm nhiều.....đã phân hóa về.....
- Giữa 2 lớp là tầng keo
- Lỗ miệng thông với khoang tiêu hoá ở giữa (gọi là ruột túi).

Cơ thể thủy tức cái bố dọc	Hình một số tế bào	Cấu tạo và chức năng	Tên tế bào
		Tế bào hình túi, có gai cảm giác ở phía ngoài (1) ; có sợi rỗng dài, nhọn, xoắn lộn vào trong (2). Khi bị kích thích, sợi gai có chất độc phóng vào con mồi.	
		Tế bào hình sao, có gai nhô ra ngoài, phía trong toả nhánh, liên kết nhau tạo nên mạng thần kinh hình lưới.	
		- Tế bào trứng (3) hình thành từ tuyến hình cầu (5) ở thành cơ thể.	
		- Tinh trùng (4) hình thành từ tuyến hình vú (ở con đực).	
		Chiếm chủ yếu lớp trong : phần trong có 2 roi và không bào tiêu hoá, làm nhiệm vụ tiêu hoá thức ăn là chính. Phần ngoài liên kết nhau giúp cơ thể co duỗi theo chiều ngang.	
	Chiếm phần lớn lớp ngoài : phần ngoài che chở, phần trong liên kết nhau giúp cơ thể co duỗi theo chiều dọc.		
Tên các tế bào để lựa chọn	Tế bào thần kinh, tế bào gai, tế bào mô bì - cơ, tế bào mô cơ - tiêu hoá, tế bào sinh sản.		

→Kết luận.

- Thành cơ thể có 2 . Gồm nhiều tế bào đã phân hóa về chức năng.
- Giữa 2 lớp là tầng keo mỏng.
- Lỗ miệng thông với khoang tiêu hoá ở giữa.

3. Dinh dưỡng.

Học sinh đọc thông tin SGK trang 31, kết hợp quan sát 8.1. Trả lời câu hỏi:

Câu 1: Thủy tức bắt mồi bằng cách nào?

.....

Câu 2: Tiêu hóa thức ăn nhờ loại tế bào nào.

.....

.....

Câu 3: Thủy tức thải bã qua đâu?

.....

.....

Câu 4: Mô tả quá trình tiêu hóa thức ăn của thủy tức.

.....
.....
.....
.....
.....
Câu 5: Qua trình hô hấp thực hiện qua đâu?
.....

→Kết luận:

- Thủy tức bắt mồi bằng tua miệng. Quá trình tiêu hoá thực hiện ở khoang tiêu hoá nhờ dịch từ tế bào tuyến.
- Sự trao đổi khí thực hiện qua thành cơ thể.

4. Sinh sản.

Học sinh đọc thông tin SGK trang 31, kết hợp quan sát 8.1. Trả lời câu hỏi:

Thủy tức có những kiểu sinh sản nào?
.....
.....

→Kết luận

- + Sinh sản vô tính: bằng cách mọc chồi, tái sinh
- + Sinh sản hữu tính: bằng cách hình thành tế bào sinh dục đực và cái.

HOẠT ĐỘNG 2: ĐA DẠNG NGÀNH RUỘT KHOANG. (TIẾT 2) - (TUẦN 5)

Tài liệu học tập SGK trang 33-35

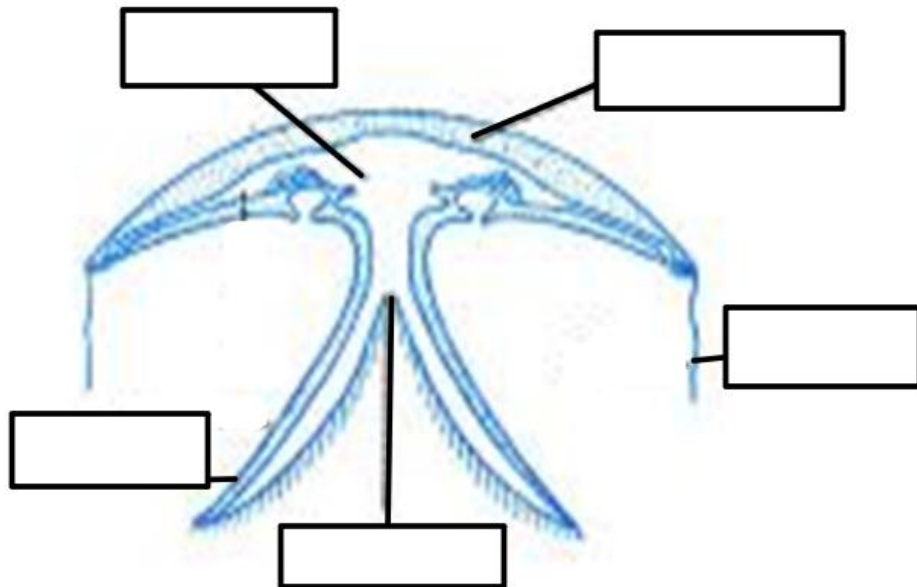
II. ĐA DẠNG NGÀNH RUỘT KHOANG.

1.SỨA

Học sinh đọc thông tin SGK trang 33, kết hợp quan sát 9.1. Trả lời câu hỏi:

Câu 1: Sứa sống ở đâu? Lối sống?
.....
.....

Câu 2: Chú thích hình cấu tạo của sứa. (gợi ý điền chú thích vào ô trống)



Câu 3: Trình bày cấu tạo của sứa thích nghi với lối sông bơi lội tự do. (điền vào chỗ trống có câu trả lời hoàn chỉnh)

Trả lời:

+Thể hìnhcó tua dù, tầng keo dày → Cơ thể nhẹ giúp trôi nổi

+Miệng ở dưới, xung quanh có các tua..... → Dễ bắt mồi.

Câu 4: Mô tả cách di chuyển của sứa.

.....

Câu 5: Nêu điểm giống nhau và khác nhau giữa sứa và thủy tức. (điền vào chỗ trống có câu trả lời hoàn chỉnh)

Trả lời:

+Giống nhau:

.....

+Khác nhau:

Sứa	Thủy tức
-Hình	-Hình
-Bơi lội, ở biển	-Sống, ở nước ngọt.
-Tầng keo	-Tầng keo
-Miệng ở.....	-Miệng ở.....
-Di chuyển	-Di chuyển bằng

→Kết luận.

-Sứa là loài ruột khoang ở biển, sống đơn độc có cấu tạo thích nghi với lối sống di chuyển tự do:

+ Cơ thể hình dù, có tầng keo dày → Cơ thể nhẹ, trôi nổi.

+Miệng ở dưới, di chuyển bằng cách co bóp dù.

-Đối xứng tỏa tròn, có tế bào gai tự vệ và tấn công.

2. Hải quỳ.

Học sinh đọc thông tin SGK trang 34, kết hợp quan sát 9.2. Trả lời câu hỏi:

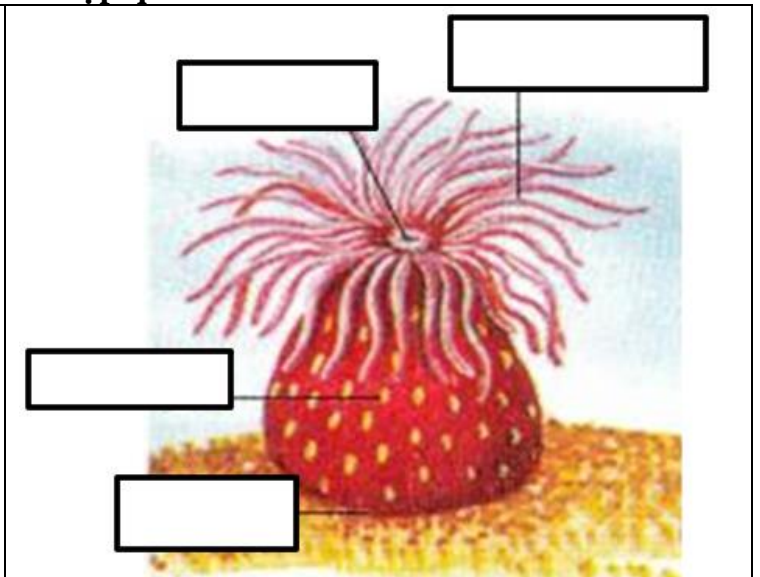
Câu 1: Chú thích hình Hải quỳ. (Điền vào các ô trống)

Câu 2: Hải quỳ sống ở đâu? Lối sống?

.....

Câu 3: Mô tả cấu tạo của Hải Quỳ thích nghi với lối sống bám?

.....



→Kết luận

-Là loài ruột khoang sống đơn độc ở biển, có cấu tạo thích nghi với lối sống bám : Cơ thể hình trụ dài, có đế bám, miệng ở trên.

Học sinh đọc thông tin SGK trang 34, kết hợp quan sát 9.3. Trả lời câu hỏi:

Câu 1: San Hô sống ở đâu? Lối sống?

.....

Câu 2: Mô tả cấu tạo của San hô thích nghi với lối sống bám cố định.

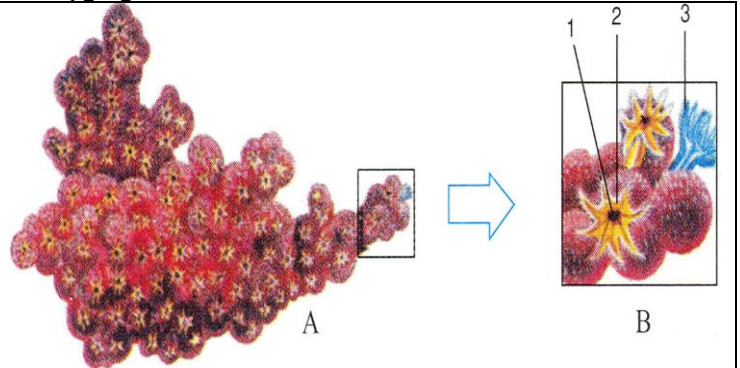
.....

Câu 3: Cành san hô thường dùng làm trang trí là bộ phận gì của san hô?

.....

Câu 4: Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi.

.....



Hình 9.3. Cấu tạo san hô

A - Cảnh san hô đỏ ; B - Phóng đại một nhánh tập đoàn san hô
 1. Lỗ miệng ; 2. Tua miệng ; 3. Cá thể của tập đoàn.

→Kết luận:

-Thích nghi với lối sống bám cố định : Có hình trụ, đế bám, miệng ở trên.
 -San hô sống thành tập đoàn và phát triển thành bộ khung xương bất động.

HOẠT ĐỘNG 3: ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG (TIẾT 3)—(TUẦN 5)

Tài liệu SGK trang 37-39

III. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG

1.Đặc điểm chung ngành ruột khoang.

Học sinh quan sát H 10.1 SGK trang 37. Hoàn thành yêu cầu sau:

Câu 1: Hoàn thành bảng trang 37 (trừ mục 4,5,6) (Điền đáp án vào bảng sau)

Trả lời:

Đặc điểm của một số đại diện ruột khoang

TT	Đại diện	Thủy tức	Sứa	San hô
	Đặc điểm			
1	Kiểu đối xứng			
2	Cách di chuyển			
3	Cách dinh dưỡng			
7	Sống đơn độc, tập đoàn.			

Câu 2: Những loài ruột khoang sống bám thường có đặc điểm gì?

.....
.....
.....

Câu 3: Loài ruột khoang sống tự do thường có đặc điểm gì ?

.....
.....
.....

Câu 4: Loài ruột khoang sống tự do và sống bám thường có chung điểm gì ?

.....
.....
.....

→Kết luận.

+ Cơ thể có đối xứng tỏa tròn.

+ Ruột dạng túi.

+ Thành cơ thể có 2 lớp tế bào.

+ Tự vệ và tấn công bằng tế bào gai.

2. Vai trò ngành ruột khoang.

Học sinh đọc thông tin SGK trang 38. Trả lời câu hỏi:

Câu 1: Ruột khoang có vai trò như thế nào trong tự nhiên và đời sống?

Trả lời:

+ Trong tự nhiên:

.....
.....
.....

+ Đối với đời sống:

.....
.....
.....

Câu 2: Nêu rõ tác hại của ruột khoang?

.....
.....
.....

➤ **Kết luận:**

Lợi ích:

+ Trong tự nhiên:

- Tạo vẻ đẹp thiên nhiên

- Có ý nghĩa sinh thái đối với biển

+ Đối với đời sống:

- Làm đồ trang trí, trang sức: san hô

- Hoá thạch san hô góp phần nghiên cứu địa chất.

Tác hại:

- Một số loài gây độc, ngứa cho người: sứa.

- Tạo đá ngầm, ảnh hưởng đến giao thông.gai.

HOẠT ĐỘNG 4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH TỰ HỌC. (SAU KHI KẾT THÚC TIẾT 3)

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tế bào nào giúp thủy tức tự vệ và bắt mồi?

- a. Tế bào gai
- b. Tế bào mô bì – cơ
- c. Tế bào sinh sản
- d. Tế bào thần kinh

Câu 2: Sứa bơi lội trong nước nhờ

- A. Tua miệng phát triển và cử động linh hoạt
- B. Dù có khả năng co bóp
- C. Cơ thể có tỉ trọng xấp xỉ nước
- D. Cơ thể hình dù, đối xứng tỏa tròn

Câu 3: Vì sao thủy tức trao đổi khí qua thành cơ thể

- a. Vì chúng có ruột dạng túi
- b. Vì chúng không có cơ quan hô hấp
- c. Vì chúng không có hậu môn
- d. Vì chưa có hệ thống tuần hoàn

Câu 4: Đâu là điểm khác nhau giữa hải quỳ và san hô?

- A. Hải quỳ có khả năng di chuyển còn san hô thì không.
- B. Hải quỳ có cơ thể đối xứng tỏa tròn còn san hô thì đối xứng hai bên.
- C. Hải quỳ có đời sống đơn độc còn san hô sống thành tập đoàn.
- D. San hô có màu sắc rực rỡ còn hải quỳ có cơ thể trong suốt.

Câu 5: Loài động vật nào được coi là “trùng sinh bất tử”?

- a. Gián
- b. Thủy tức
- c. Trùng biến hình
- d. Trùng giày

Câu 6: Phương thức dinh dưỡng thường gặp ở ruột khoang là

- A. quang tự dưỡng.
- B. hoá tự dưỡng.
- C. dị dưỡng.
- D. dị dưỡng và tự dưỡng kết hợp.

Câu 7: Người ta khai thác san hô đen nhằm mục đích gì?

- A. Cung cấp vật liệu xây dựng.
- B. Nghiên cứu địa tầng.

C. Thức ăn cho con người và động vật.

D. Vật trang trí, trang sức.

Câu 8: Thủy tức thải chất bã ra khỏi cơ thể qua

a. Màng tế bào

b. Không bào tiêu hóa

c. Tế bào gai

d. Lỗ miệng

Câu 9: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau : ...(1)... của sứa dày lên làm cơ thể sứa ...(2)... và khiến cho ...(3)... bị thu hẹp lại, thông với lỗ miệng quay về phía dưới.

A. (1) : Khoang tiêu hóa ; (2) : dễ nổi ; (3) : tầng keo

B. (1) : Khoang tiêu hóa ; (2) : dễ chìm xuống ; (3) : tầng keo

C. (1) : Tầng keo ; (2) : dễ nổi ; (3) : khoang tiêu hóa

D. (1) : Tầng keo ; (2) : dễ chìm xuống ; (3) : khoang tiêu hóa

Câu 10: Đảo ngầm san hô thường gây tổn hại gì cho con người?

A. Cản trở giao thông đường thủy.

B. Gây ngứa và độc cho người.

C. Tranh thức ăn với các loại hải sản con người nuôi.

D. Tiết chất độc làm hại cá và hải sản nuôi.

Câu 11: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau : Ở san hô, khi sinh sản ...(1)... thì cơ thể con không tách rời mà dính với cơ thể mẹ tạo nên ...(2)... san hô có ...(3)... thông với nhau.

A. (1) : mọc chồi ; (2) : tập đoàn ; (3) : khoang ruột

B. (1) : phân đôi ; (2) : cụm ; (3) : tầng keo

C. (1) : tiếp hợp ; (2) : cụm ; (3) : khoang ruột

D. (1) : mọc chồi ; (2) : tập đoàn ; (3) : tầng keo

Câu 12: Đặc điểm của ruột khoang khác với động vật nguyên sinh là:

A. Sống trong nước

B. Cấu tạo đơn bào

C. Cấu tạo đa bào

D. Sống tự do

Câu 13: Sinh sản kiểu này chồi ở san hô khác thủy tức ở điểm nào?

A. San hô nảy chồi, cơ thể con tách khỏi bố mẹ khi còn non; thủy tức nảy chồi, cơ thể con tách khỏi bố mẹ khi trưởng thành.

B. San hô nảy chồi, cơ thể con không tách khỏi bố mẹ; thủy tức nảy chồi, khi chồi trưởng thành sẽ tách khỏi cơ thể mẹ sống độc lập.

C. San hô nảy chồi, cơ thể con tách khỏi bố mẹ khi trưởng thành ; thủy tức khi chồi trưởng thành vẫn không tách khỏi cơ thể mẹ sống độc lập.

D. San hô nảy chồi, cơ thể con không tách khỏi bố mẹ ; thủy tức khi chồi chưa trưởng thành đã tách khỏi cơ thể mẹ sống độc lập.

Câu 14: Ruột khoang có vai trò gì đối với sinh giới và con người nói chung?

- A. Một số loài ruột khoang có giá trị thực phẩm và dược phẩm.
- B. Góp phần tạo sự cân bằng sinh thái, tạo cảnh quan độc đáo.
- C. Nhiều loại san hô nguyên liệu làm đồ trang sức, trang trí, nguyên liệu xây dựng, ...
- D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

TỰ LUẬN.

Câu 15. Kể tên loại các loài ruột khoang có ở địa phương em.

.....
.....

Câu 16: Mô tả cách di chuyển của sứa trong nước.

.....
.....
.....
.....

Câu 17: *Làm cách nào chứng minh ruột của các cá thể san hô trong tập đoàn san hô thông với nhau ?*

.....
.....
.....
.....

Lưu ý:

- Học nghiên cứu SGK đọc kỹ bài và hướng dẫn giáo viên.
- Những câu hỏi chưa trả lời học sinh tự thực hiện, các câu hỏi giáo viên hướng dẫn trả lời các em đọc và nắm kiến thức.
- Các nội dung kết luận từng phần các em ghi bài cẩn thận vào vở.
- Phần bài tập hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả tự học các em trả lời trực tiếp vào từng câu thật cẩn thận. (**Lấy điểm quá trình**).
- Các em hoàn thành các yêu cầu và bài kiểm tra giáo viên thu lại vào tuần sau nhé.
- Nếu có thắc mắc gì các em có thể liên hệ trực tiếp GV 0902035554. Nếu không liên lạc ghi vào phiếu thắc mắc và nộp lại giáo viên

